

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-28
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-28

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0200387594 ngày 28 tháng 10 năm 2010 do Sở Đầu tư Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Hội	Phó chủ tịch
Ông Phan Duy Vân	Ủy viên
Bà Trần Thị Kim Lan	Ủy viên
Ông Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên
Ông Vương Ngọc Sơn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Giám đốc
Ông Phan Duy Vân	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Ngọc Thao	Trưởng ban
Ông Bùi Ngọc Thanh	Thành viên
Ông Đan Hải Long	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Tất Hưng

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2014

Số: /2014/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Vũ Xuân Biền

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		46.898.175.108	37.374.269.577
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	17.608.420.679	14.496.170.013
111	1. Tiền		11.608.420.679	14.496.170.013
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.250.698.720	13.853.691.710
131	1. Phải thu của khách hàng		11.798.579.458	4.547.602.340
132	2. Trả trước cho người bán		14.228.724	305.616.742
135	5. Các khoản phải thu khác	4	8.623.662.168	9.186.244.258
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(185.771.630)	(185.771.630)
140	IV. Hàng tồn kho	5	5.798.146.054	7.682.372.605
141	1. Hàng tồn kho		5.798.146.054	7.682.372.605
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.240.909.655	1.342.035.249
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		930.801.341	27.538.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.635.820.043	913.530.139
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	4.543.977	4.543.977
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	669.744.294	396.423.133
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		143.544.607.741	152.651.175.505
220	II. Tài sản cố định		143.275.711.774	150.854.103.796
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	136.020.415.774	143.598.807.796
222	- Nguyên giá		245.325.519.916	245.325.519.916
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(109.305.104.142)	(101.726.712.120)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	7.255.296.000	7.255.296.000
228	- Nguyên giá		7.255.296.000	7.255.296.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		268.895.967	1.797.071.709
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	254.695.967	1.782.871.709
268	3. Tài sản dài hạn khác		14.200.000	14.200.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		190.442.782.849	190.025.445.082

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014
(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		102.911.176.196	107.413.507.901
310	I. Nợ ngắn hạn		50.117.549.996	44.547.020.111
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	17.658.400.000	18.951.235.000
312	2. Phải trả người bán		17.962.384.479	14.483.767.302
313	3. Người mua trả tiền trước		3.882.676.627	1.056.884.359
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	135.175.145	47.384.483
315	5. Phải trả người lao động		4.651.322.626	3.093.445.878
316	6. Chi phí phải trả	13	4.639.917.891	4.302.668.935
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	747.589.595	2.377.187.008
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		440.083.633	234.447.146
330	II. Nợ dài hạn		52.793.626.200	62.866.487.790
334	4. Vay và nợ dài hạn	15	52.793.626.200	62.866.487.790
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		87.531.606.653	82.611.937.181
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	87.531.606.653	82.611.937.181
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		60.000.000.000	60.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.169.335.000	17.169.335.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		2.047.519.690	2.047.519.690
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.543.003.763	2.543.003.763
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.771.748.200	852.078.728
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		190.442.782.849	190.025.445.082

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		410.224,83	184.238,31

Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập

Trần Thị Kim Lan
Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	115.388.298.787	111.231.610.596
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		115.388.298.787	111.231.610.596
11	4. Giá vốn hàng bán	18	104.882.691.375	103.900.138.386
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.505.607.412	7.331.472.210
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	407.735.964	238.211.288
22	7. Chi phí tài chính	20	2.688.306.588	4.156.935.144
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		1.905.130.799	2.700.282.524
24	8. Chi phí bán hàng	21	949.589.697	652.113.571
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	2.954.774.250	2.750.987.904
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.320.672.841	9.646.879
31	11. Thu nhập khác	23	1.120.197.728	15.760.074.887
32	12. Chi phí khác	24	242.013.010	16.252.035.495
40	13. Lợi nhuận khác		878.184.718	(491.960.608)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.198.857.559	(482.313.729)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5.198.857.559</u>	<u>(482.313.729)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	866	(80)

Trần Thị Thanh Nhạn
Người lậpTrần Thị Kim Lan
Kế toán trưởngLê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		115.708.744.035	111.633.943.579
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(90.182.792.100)	(99.017.102.410)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(8.513.005.628)	(9.722.071.243)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(2.094.845.753)	(3.212.440.750)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.847.709.862	25.644.317.569
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.820.001.957)	(24.008.752.655)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		14.945.808.459	1.317.894.090
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	16.413.363.637
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		156.977.602	13.994.405
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		156.977.602	16.427.358.042
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	4.274.340.206
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(12.029.325.000)	(20.170.503.623)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(12.029.325.000)	(15.896.163.417)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.073.461.061	1.849.088.715
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		14.496.170.013	2.687.626.063
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		38.789.605	10.395.601
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	17.608.420.679	4.547.110.379

Trần Thị Thanh Nhạn
Người lậpTrần Thị Kim Lan
Kế toán trưởngLê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0200387594 ngày 28 tháng 10 năm 2010 do Sở Đầu tư Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng; tương đương 6.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 17 tháng 12 năm 2007 với mã giao dịch là TJC.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Nơi thành lập và hoạt động

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Số 11A Lầu 1 - Hoàng Diệu - Phường 12 -
Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý: tàu biển, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hóa, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, đầu tư xây dựng cho thuê văn phòng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước: cung ứng và cho thuê thuyền viên.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 - 15	năm
- Thiết bị văn phòng	03	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn và không thực hiện trích khấu hao.

2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

Các chi phí đã phát sinh trong kỳ kế toán nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.14 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	812.928.318	502.376.380
Tiền gửi ngân hàng	10.795.492.361	13.993.793.633
Các khoản tương đương tiền (*)	6.000.000.000	-
	<u>17.608.420.679</u>	<u>14.496.170.013</u>

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với lãi suất theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm.

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	33.146.867	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	2.773.606	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	25.666.667	-
Phải thu chủ hàng về chi phí khắc phục sự cố tàu Transco Star và Transco Sky (*)	8.511.062.028	8.697.782.028
Phải thu tiền hàng hỏng do vận chuyển	40.569.400	488.386.630
Phải thu khác	10.443.600	75.600
	<u>8.623.662.168</u>	<u>9.186.244.258</u>

(*) Khoản phải thu các chủ hàng về chi phí khắc phục sự cố tàu Transco Star và Transco Sky theo quy định tại các hợp đồng vận tải. Khoản phải thu sẽ được ghi giảm khi các bên làm quyết toán theo quy định tại hợp đồng và các phụ lục bổ sung.

5 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.798.146.054	7.682.372.605
	<u>5.798.146.054</u>	<u>7.682.372.605</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.543.977	4.543.977
	4.543.977	4.543.977

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	669.744.294	396.423.133
	669.744.294	396.423.133

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	245.290.110.485	35.409.431	245.325.519.916
Tại ngày 30/06/2014	245.290.110.485	35.409.431	245.325.519.916
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2014	101.691.302.689	35.409.431	101.726.712.120
Trích khấu hao	7.578.392.022	-	7.578.392.022
Tại ngày 30/06/2014	109.269.694.711	35.409.431	109.305.104.142
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	143.598.807.796	-	143.598.807.796
Tại ngày 30/06/2014	136.020.415.774	-	136.020.415.774

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 136.020.415.774 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.811.116.691 đồng

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	7.255.296.000	7.255.296.000
Tại ngày 30/06/2014	7.255.296.000	7.255.296.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	7.255.296.000	7.255.296.000
Tại ngày 30/06/2014	7.255.296.000	7.255.296.000

Tài sản cố định vô hình Công ty còn đang theo dõi là quyền sử dụng lâu dài diện tích đất 595m² tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng, hiện đang dùng làm tài sản thế chấp cho các hợp đồng vay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa định kỳ tàu Transco Sky chờ phân bổ	254.695.967	1.782.871.709
	<u>254.695.967</u>	<u>1.782.871.709</u>

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	4.495.000.000	6.490.000.000
Vay cá nhân	4.495.000.000	6.490.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	13.163.400.000	12.461.235.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng (Xem thuyết minh 15)	13.163.400.000	12.461.235.000
	<u>17.658.400.000</u>	<u>18.951.235.000</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

Các khoản vay theo hợp đồng vay vốn cá nhân với thời hạn dưới 1 năm lãi suất bằng lãi suất ngân hàng thương mại mà Công ty đang giao dịch, định kỳ 01 tháng xác định lãi suất 01 lần vào ngày 05 hàng tháng.

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	135.175.145	47.384.483
	<u>135.175.145</u>	<u>47.384.483</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.004.390.618	1.194.105.572
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Star	3.600.000.000	2.400.000.000
Chi phí phải trả khác	35.527.273	708.563.363
	<u>4.639.917.891</u>	<u>4.302.668.935</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	7.494.270	33.660.268
Phải trả cho Vinaship	478.391.960	914.362.597
Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên đã rời tàu	191.015.410	1.292.559.044
Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa	56.861.072	94.221.240
Phải trả, phải nộp khác	13.826.883	42.383.859
	747.589.595	2.377.187.008

15 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	52.793.626.200	62.866.487.790
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng	52.793.626.200	62.866.487.790
	52.793.626.200	62.866.487.790

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng bao gồm 02 hợp đồng tín dụng:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐDH/NHHB ngày 12 tháng 09 năm 2007 và bản sửa đổi hợp đồng tín dụng số 04 ngày 15 tháng 01 năm 2013, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Số tiền ngân hàng cho vay: 6.450.000 USD;
 - + Mục đích vay: thanh toán tiền mua tàu chở hàng khô New Lucky XI theo bản ghi nhớ Hợp đồng ngày 14/06/2007 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và Công ty Franbo Navigator S.A., PANAMA;
 - + Thời hạn cho vay: 9,5 năm (114 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm;
 - + Số dư gốc vay dài hạn tại thời điểm cuối kỳ là 1.573.574 USD, tương đương với 33.517.126.200 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 365.000 USD, tương đương với 7.774.500.000 đồng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/TSC-HB/2009 ngày 08 tháng 07 năm 2009, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Số tiền ngân hàng cho vay: 3.800.000 USD;
 - + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua tàu chở hàng khô HAWAIIAN EYE trọng tải 7.833 DWT theo bản ghi nhớ Hợp đồng ngày 26/06/2009 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và Continent Maritime S.A of PANAMA;
 - + Thời hạn cho vay: 8 năm (96 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1.523.000 USD, tương đương với 32.439.900.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 253.000 USD, tương đương với 5.388.900.000 đồng.

Cả 2 hợp đồng vay trên đều được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu chở hàng khô Hà Tây trọng tải 8.294 DWT, tàu Transco Star, tàu Transco Sky và quyền sử dụng diện tích đất 595m² tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/TSC-HB/2010 và 02/TSC-HB/2010 ngày 13 tháng 08 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	30,00%	18.000.000.000	30,00%	18.000.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	70,00%	42.000.000.000	70,00%	42.000.000.000
	100%	60.000.000.000	100%	60.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	60.000.000.000	60.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	60.000.000.000	60.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.047.519.690	2.047.519.690
Quỹ dự phòng tài chính	2.543.003.763	2.543.003.763
	4.590.523.453	4.590.523.453

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	74.840.583.859	78.976.179.776
Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.547.714.928	32.255.430.820
	115.388.298.787	111.231.610.596

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động vận tải biển	66.627.281.552	73.813.287.834
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	38.255.409.823	30.086.850.552
	104.882.691.375	103.900.138.386

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	182.644.269	13.994.405
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	225.091.695	224.216.883
	407.735.964	238.211.288

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.905.130.799	2.700.282.524
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	91.206.989	150.804.634
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	691.968.800	1.305.847.986
	2.688.306.588	4.156.935.144

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	949.589.697	652.113.571
	949.589.697	652.113.571

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	65.849.224	53.346.952
Chi phí nhân công	1.917.825.880	2.089.473.903
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	1.912.165
Thuế, phí, lệ phí	5.885.000	7.508.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	373.633.849	436.021.563
Chi phí khác bằng tiền	591.580.297	162.725.321
	2.954.774.250	2.750.987.904

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

23 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	14.959.186.362
Tiền khách hàng thưởng do bốc xếp nhanh, hao hụt ít	720.112.392	440.393.446
Thu nhập từ bán nhiên liệu tồn trên tàu	-	356.395.064
Thu nhập từ tiền phạt phải thu khách hàng	399.285.750	-
Thu nhập khác	799.586	4.100.015
	1.120.197.728	15.760.074.887

24 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	-	15.577.276.079
Chi phí thưởng do bốc xếp nhanh, hao hụt ít	189.172.347	-
Giá vốn nhiên liệu thu hồi để bán thanh lý	-	355.763.068
Tiền phạt do hao hụt vượt mức cho phép	52.840.591	318.845.843
Chi phí khác	72	150.505
	242.013.010	16.252.035.495

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.198.857.559	(482.313.729)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.289.792.384)	(9.345.593.037)
- <i>Chuyển lỗ các năm trước</i>	(6.289.792.384)	(9.345.593.037)
Tổng thu nhập tính thuế	(1.090.934.825)	(9.827.906.766)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(4.543.977)	(4.543.977)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(4.543.977)	(4.543.977)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	5.198.857.559	(482.313.729)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.198.857.559	(482.313.729)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	866	(80)

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.236.690.173	43.597.569.486
Chi phí nhân công	10.690.010.720	11.150.137.150
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.578.392.022	7.927.440.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.684.497.110	43.478.362.824
Chi phí khác bằng tiền	597.465.297	1.149.729.863
	108.787.055.322	107.303.239.861

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.608.420.679	-	14.496.170.013	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.422.241.626	(185.771.630)	13.733.846.598	(185.771.630)
	38.030.662.305	(185.771.630)	28.230.016.611	(185.771.630)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	70.452.026.200	81.817.722.790
Phải trả người bán, phải trả khác	18.709.974.074	16.860.954.310
Chi phí phải trả	4.639.917.891	4.302.668.935
	93.801.918.165	102.981.346.035

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.608.420.679	-	-	17.608.420.679
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.236.469.996	-	-	20.236.469.996
	<u>37.844.890.675</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>37.844.890.675</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.496.170.013	-	-	14.496.170.013
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.548.074.968	-	-	13.548.074.968
	28.044.244.981	-	-	28.044.244.981

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2014				
Vay và nợ	17.658.400.000	52.793.626.200	-	70.452.026.200
Phải trả người bán, phải trả khác	18.709.974.074	-	-	18.709.974.074
Chi phí phải trả	4.639.917.891	-	-	4.639.917.891
	41.008.291.965	52.793.626.200	-	93.801.918.165
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	18.951.235.000	62.866.487.790	-	81.817.722.790
Phải trả người bán, phải trả khác	16.860.954.310	-	-	16.860.954.310
Chi phí phải trả	4.302.668.935	-	-	4.302.668.935
	40.114.858.245	62.866.487.790	-	102.981.346.035

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động vận tải biển VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.840.583.859	40.547.714.928	115.388.298.787
Chi phí bộ phận trực tiếp	66.627.281.552	38.255.409.823	104.882.691.375
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.213.302.307	2.292.305.105	10.505.607.412
Tài sản bộ phận trực tiếp	152.336.518.167	18.599.902.198	170.936.420.365
Tài sản không phân bổ	-	-	19.506.362.484
Tổng tài sản	152.336.518.167	18.599.902.198	190.442.782.849
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	84.402.868.728	13.274.231.794	97.677.100.522
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	5.234.075.674
Tổng nợ phải trả	84.402.868.728	13.274.231.794	102.911.176.196

Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Quốc tế VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.515.321.619	73.872.977.168	115.388.298.787
Tài sản bộ phận	38.106.264.682	152.336.518.167	190.442.782.849
Nợ phải trả bộ phận	18.508.307.468	84.402.868.728	102.911.176.196

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP	Thành viên TCT	184.648.411	457.699.011
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	Mối quan hệ	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP	Thành viên TCT	183.453.250	427.201.251
Phải trả khác			
Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP	Thành viên TCT	478.391.960	914.362.597

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	355.505.609	219.730.597

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập

Trần Thị Kim Lan
Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 18 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
6 tháng đầu năm 2013						
Tại ngày 01/01/2013	60.000.000.000	17.169.335.000	2.047.519.690	2.543.003.763	(2.134.389.393)	79.625.469.060
Lỗi trong kỳ	-	-	-	-	(482.313.729)	(482.313.729)
Tại ngày 30/06/2013	60.000.000.000	17.169.335.000	2.047.519.690	2.543.003.763	(2.616.703.122)	79.143.155.331
6 tháng đầu năm 2014						
Tại ngày 01/01/2014	60.000.000.000	17.169.335.000	2.047.519.690	2.543.003.763	852.078.728	82.611.937.181
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	5.198.857.559	5.198.857.559
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(279.188.087)	(279.188.087)
Tại ngày 30/06/2014	60.000.000.000	17.169.335.000	2.047.519.690	2.543.003.763	5.771.748.200	87.531.606.653

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 05 năm 2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận được phân phối	100,00%	852.078.728
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	32,77%	279.188.087
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	67,23%	572.890.641